CTCP ĐẦU TƯ THẾ GIỚI DI ĐỘNG – HSX: MWG

NGỰA PHI NƯỚC ĐẠI

Báo cáo cập nhật doanh nghiệp
13/05/2025 – HSX: MWG

KHUYẾN NGHỊ: MUA

Giá mục tiêu: 78,000

Upside: +28%

Ngành Bán lẻ - Tiêu dùng | BSC Research

QUAN ĐIỂM ĐỊNH GIÁ

Chúng tôi duy trì khuyến nghị **MUA** xuyên suốt đối với cổ phiếu MWG với mức giá hợp lý cho năm 2025 = 78,000 VNĐ/CP (Upside +28% so với giá đóng cửa ngày 12/05/2025) dựa trên PP SOTP. Chúng tôi điều chỉnh nhẹ -0.6% giá mục tiêu so với báo cáo ngày 26/2/2025, nhằm *cân đối giữa kỳ vọng KQKD tích cực của mảng ICT+CE với rủi ro liên quan đến thuế quan đối ứng tác động lên nhu cầu tiêu dùng.*

LUẬN ĐIỂM ĐẦU TƯ (tham khảo báo cáo trước _BCT)

I. Nâng kỳ vọng tăng trưởng KQKD năm 2025 từ +34%YoY lên +43%YoY *nhờ*

- TGDĐ+ ĐMX: tiếp tục là trụ cột lợi nhuận của tập đoàn tăng từ 75%LNTT lên 77%LNTT nhờ hiệu quả của chiến dịch mua trả chậm tích và chính sách bán hàng hấp dẫn tạo động lực cho nhân viên; vẫn đủ bù đắp:
- BHX – bứt tốc tăng độ phủ cửa hàng và cải thiện LN svck với biên LNST +1.5%, điều chỉnh giảm nhẹ -0.3 đpt so với BCT nhưng vẫn đảm bảo kế hoạch của tập đoàn (biên LNST ~1.1%)

II. Động lực tăng trưởng trong trung hạn đến từ (1) BHX Dư địa tăng thị phần từ 4.1%(2025E) lên 6.5%(2027F), nhờ tăng tốc mở mô hình cửa hàng hiệu quả đã được chứng minh với CAGR ~20%/ năm **(2) Erablue:** sở hữu lợi thế về dịch vụ sau bán hàng vượt trội, hỗ trợ kỳ vọng tăng trưởng quy mô và LNST giai đoạn 2025-2027 lần lượt 115% và 219%/ năm và sở hữu tiềm năng IPO trong năm 2027.

CATALYST

MWG dự kiến tiến hành mua cổ phiếu quỹ trong năm 2025.

PHÂN TÍCH ĐỘ NHẠY: Chúng tôi xây dựng các kịch bản ước tính *tác động gián tiếp của thuế quan đối ứng tới (1) KQKD (ICT và CE) và (2) định giá PE của MWG*

Kịch Bản	Tiêu cực	Cơ sở	Khả quan
(1) Độ nhạy thay đổi dự phóng KQKD mảng ICT+CE năm 2025 theo nhu cầu tiêu dùng, tác động tới định giá MWG (link)			
DTT ICT+CE (%YoY)	0%	+7%	+14%
Biên LNST ICT +CE	↓	↑	↑
Gía mục tiêu	**68,600**	**78,000**	**81,000**
%Upside	+13%	+28%	+33%
(2) Tác động thuế quan lên định giá PE của MWG theo KB lợi nhuận (link)			

RỦI RO: Rủi ro từ hoạt động kinh doanh kém khả quan hơn kì vọng, phát sinh CP 1 lần

	2022	2023	2024	2025F
Doanh thu thuần	133,405	118,280	134,341	152,710
Lợi nhuận gộp	30,782	22,521	27,499	30,928
NPATMI	4,100	168	3,722	5,305
EPS	2,763	113	2,508	3,575
Tăng trưởng EPS	-16%	-96%	2120%	43%

Trung tâm phân tích BSC
Phạm Thị Minh Châu
(Trưởng nhóm,
Chuyên viên phân tích cao cấp)
Chauptm@bsc.com.vn

Thông tin doanh nghiệp

Giá hiện tại (VND):	60,800
Cổ phiếu LH (Tỷ):	1.5
Vốn hoá (Tỷ VND):	90,216
Thanh khoản 30n (Triệu):	10.12
Sở hữu nước ngoài:	45.2%

I. CẬP NHẬT KQKD Q1/2025

Tóm tắt: KQKD vượt kỳ vọng, dẫn dắt bởi (1) chuỗi TGDĐ+ĐMX sau tái cấu trúc, (2) chuỗi BHX bứt tốc mở cửa hàng và duy trì lãi sau thuế(3) không còn phát sinh chi phí một lần.

	Q1/2025	Q1/2024	%YoY
Doanh thu thuần	**36,135**	**31,486**	**15%**
Lãi gộp	**7,200**	**6,713**	**7%**
Chi phí bán hàng	(4,403)	(4,821)	-9%
Chi phí QLDN	(1,215)	(868)	40%
Lợi nhuận HĐKD	**1,583**	**1,023**	**55%**
Doanh thu tài chính	693	585	18%
Chi phí tài chính	(339)	(375)	-10%
Thu nhập khác, ròng	(6)	(6)	-11%
LNTT	1,935	1,206	60%
LNST	1,548	903	71%
LNST-CĐTS	**1,546**	**902**	**71.3%**
Chỉ số			
GPM	19.9%	21.3%	-1.4 đpt
SG&A/Rev	15.5%	18.1%	-2.5 đpt
Biên LN HĐKD	4.38%	3.25%	1.1 đpt
Biên LNST	4.28%	2.87%	1.4 đpt

Cập nhật KQKD Q1/2025: DTT và LNST lần lượt đạt 36.135 tỷ đồng (+15% YoY) và 1.548 tỷ VND (+71% YoY) Hoàn thành 24% kế hoạch doanh thu và 32% kế hoạch lợi nhuận.

Động lực tăng trưởng mạnh về thị phần và lợi nhuận sau khi tái cấu trúc và không còn phát sinh chi phí một lần.

- **TGDD +DMX:** DT +14%YoY với SLCH -6.5%YoY và duy trì lợi thế là trụ cột lợi nhuận với 78% LNTT nhờ khai thác hiệu quả thị phần với mô hình tối ưu, tinh gọn và giải pháp mua sắm với chi phí dễ tiếp cận (mua trả chậm) và chính sách phát triển bền vững đối với đối tác, nhà cung cấp và nhân viên.
- **BHX**: DT +20%YoY với SSSG +16.7%YoY và SLCH mới tăng lên 232CH (+18%YoY) và tiếp tục ghi nhận lãi sau thuế với biên lợi nhận sau thuế ~ 0.3% cao hơn cùng kỳ là -1.2%, bất chấp việc mở mới mạnh mẽ.
- Thu nhập tài chính tiếp tục tăng trưởng +69%YoY nhờ MWG quản lý hiệu quả dòng tiền hoạt động
- Ngoài ra, các cửa hàng bước vào giai đoạn hết khấu hao giúp MWG giảm hơn 200 tỷ chi phí hoạt động.

Nguồn: MWG, BSC Research

Quan điểm của BSC: Quan điểm điều hành nhất quán và tương tự kỳ vọng BSC trong báo cáo gần nhất và KQKD Q1/2025 tích cực hơn kỳ vọng của BSC về DT và LNST lần lượt là +7% và +13% nhằm phản ảnh hiệu quả (1) TGDD+DMX khai thác hiệu quả lợi thế về thị phần giúp cải thiện về tăng trưởng doanh thu +8 điểm % và biên LNTT +0.2 điểm % (2) BHX đẩy mạnh hoạt động tăng độ phủ CH tích cực hơn kỳ vọng của chúng tôi từ 166CH so với 232 CH thực tế, dẫn tới những kỳ vọng về biên LNST đạt 0.3% so với mức kỳ vọng là 0.7%.

Điểm nhấn từ ĐHDCD năm 2025

Lợi ích của cổ đông được chú trọng hơn khi KQKD kỳ vọng phục hồi thông qua việc

- Tăng tỷ lệ cổ tức bằng tiền mặt lên mức 10%/CP cao hơn giai đoạn 2022-2023 (5%/CP),
- Tiến hành mua cổ phiếu quỹ, nhằm tăng lợi ích cho cổ đông
- Điều chỉnh giảm tỷ lệ ESOP tối đa xuống còn 1%- Mức này thấp hơn so với giai đoạn 2018-2024 là 2%-3%/SLCPLH. Đối tượng được mua ESOP cũng được cô đặc và neo theo diễn biến của giá cổ phiếu, nhằm gắn liền lợi ích của người lao động và cổ đông cho mục tiêu dài hạn.

II.TRIỂN VỌNG KQKD NĂM 2025

Tóm tắt: Nâng kỳ vọng KQKD năm 2025 dự trên KQKD Q1/2025 trong bối cảnh triển vọng kinh doanh nửa cuối năm 2025 đối mặt với nhiều biến số về nhu cầu tiêu dùng: (1) Trụ cột lợi nhuận đến từ TGDĐ+ĐMX; (2) Động lực tăng trưởng đến từ BHX tăng độ phủ của mô hình thành công và cải thiện biên lợi nhuận.

Trước hết, những thông tin liên quan đến chính sách thuế quan đối ứng của Mỹ bước đầu có thể tác động gián tiếp đến điều kiện kinh doanh và nhu cầu tiêu dùng chung (đặc biệt là nhóm ICT và CE). Tuy nhiên, *hiện tại vẫn đang trong quá trình đàm phán thuế quan chính thức giữa Mỹ và Việt Nam và chúng tôi nhận thấy những điểm sáng hỗ trợ tăng trưởng KQKD của MWG trong năm 2025*, gồm:

- **Những nỗ lực của chính phủ Việt Nam trong việc đàm phán thuế quan và hỗ trợ tăng trưởng kinh tế:** , thúc đẩy đầu tư công và kích cầu tiêu dùng (gia hạn thời gian giảm thuế VAT đến hết 2026, hỗ trợ du lịch,...)
- **Năng lực của MWG:** sau quá trình tái cấu trúc toàn diện thì doanh nghiệp đã chứng minh khả năng thích ứng vượt trội, được đề cập trong các báo cáo của BSC và KQKD Q1/2025 nhờ ba yếu tố chính: *(i) nền tảng tài chính lành mạnh và (ii) mô hình vận hành tối ưu và giữ vững lợi thế cạnh tranh vững chắc hỗ trợ chiến lược gia tăng thị phần hiệu quả,* cụ thể: ICT và CE tiếp tục cải thiện thị phần ICT trong Q1/2025 (DT +20%YoY (ngành ICT +~1.3%YoY) và tính đến đầu tháng 5/2025, BHX đã mở 361CH/2,131 CH kỳ vọng đạt kế hoạch mở mới 200-400 CH đầu năm 2025.

	2024	2025F	% Đ/c 2025F	Cập nhật chi tiết
TGDĐ + ĐMX	90,799	97,030	2.8%	Chúng tôi tiếp tục kỳ vọng KQKD năm 2025 của MWG ở kịch bản tích cực hơn với tăng trưởng LNST công ty mẹ theo kịch bản tích cực hơn, từ +34% lên +43% YoY, tương đương với EPS FW tăng từ 3,396 VND lên 3,575VND phản ánh sự tăng trưởng vượt kỳ vọng của TGDD và DMX, cùng chiến lược mở rộng thị trường trọng tâm của BHX • TGDD+ĐMX tiếp tục là trụ cột lợi nhuận ~77%LNTT cao hơn ước tính trước đó 75%LNTT của tập đoàn nhờ nỗ lực cải thiện thị phần và hiệu quả từ mô hình tối ưu • BHX kỳ vọng hoàn thành phần lớn kế hoạch mở CH trong 1H/2025, ước tính về đích với 450 CH mới cao hơn kỳ vọng trước đó ~300 CH năm 2025 và duy trì DT/CH trên 2.1 tỷ VND/tháng (+9%YoY). Theo đó, tăng trưởng doanh thu bù đắp cho mức biên lợi nhuận LNST -0.3 điểm % do điều chỉnh thận trong hơn đẩy mạnh mô hình cửa hàng ra miền Trung. • Các mảng kinh doanh khác tiếp tục cải thiện hiệu quả trong đó An Khang tiếp tục giảm lỗ hơn ~2%DT so với ước tính
%YoY	8.7%	6.9%		
BHX	41,083	51,730	6.7%	
%YoY	30%	26%		
DTT	134,341	152,710	4%	
%YoY	13.6%	13.7%		
Lãi gộp	27,499	30,928	4.4%	
GPM	20.5%	20.3%	0.1 đpt	
Chi phí bán hàng	(19,850)	(21,286)	4.5%	
Chi phí QLDN	(3,566)	(3,824)	5%	
EBIT	4,084	5,817	4%	
Biên EBIT	3.0%	3.8%	0.0 đpt	
Thu nhập tài chính	1,188	1,271	0.0%	
CTLDLK	(45)	28	10%	
Thu nhập khác, ròng	(401)	(193)		
LNTT	4,826	6,923	3.8%	
LNST-LICĐTS	3,722	5,305	5.3%	
Biên LNST	2.8%	3.5%		
%YoY	2120%	43%		
EPS	2,508	3,575		
P/E	24.2	17.0		

Nguồn: MWG, BSC Research

Hình 1: BHX đẩy mạnh độ phủ cửa hàng có chọn lọc với 50% SLCH ở miền Trung

Đơn vị: cửa hàng

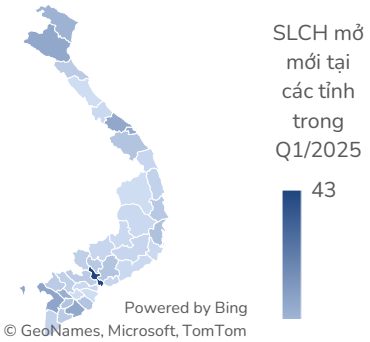

Nguồn: BSC Research, Công ty

Hình 2: Cơ cấu lợi nhuận thay đổi theo hướng tăng tỷ trọng đóng góp lợi nhuận của BHX

Đơn vị: Tỷ VND

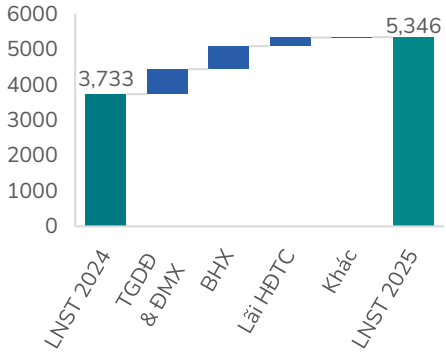

Nguồn: BSC Research, Công ty

III. QUAN ĐIỂM ĐỊNH GIÁ.

Chúng tôi duy trì khuyến nghị **MUA** xuyên suốt đối với cổ phiếu MWG với mức giá hợp lý cho năm 2025 = 78,000 VNĐ/CP (Upside +28% so với giá đóng cửa ngày 12/05/2025) dựa trên PP SOTP. Chúng tôi điều chỉnh nhẹ -0.6% giá mục tiêu so với báo cáo trước đó ngày 26/2/2025, nhằm cân đối giữa kỳ vọng KQKD tích cực của mảng ICT+CE với những rủi ro liên quan đến thuế quan đối ứng tác động lên nhu cầu tiêu dùng.

Ngoài ra, chúng tôi cũng đề xuất các kịch bản định giá dựa trên tác động gián tiếp của thuế quan đối ứng lên (1) HĐKD của mảng ICT và CE; (2) định giá của MWG.

Phân tích kịch bản độ nhạy của thuế quan đối ứng tác động lên nhu cầu tiêu dùng của mảng ICT và CE và có độ trễ trong 2H/2025, với giả định:

- *Kịch bản tiêu cực: Nhu cầu tiêu dùng chịu suy giảm và MWG thực thi mục tiêu bảo vệ thị phần, khiến biên LNST suy giảm.*
- *Kịch bản cơ sở: Nhu cầu tiêu dùng không bị tác động đáng kể và mảng ICT+CE tiếp tục lộ trình tăng trưởng thị phần và cải thiện biên lợi nhuận.*
- *Kịch bản tích cực: Nhu cầu tiêu dùng phục hồi so với cùng kỳ hỗ trợ tăng trưởng tích cực thị phần và biên lợi nhuận của mảng ICT+CE*

	Tiêu cực	Cơ sở	Khả quan
ICT+CE	90,674	97,030	103,386
% Tăng trưởng DTT	0%	7%	14%
LNST	3,072	4,257	4,743
%Biên LNST	3.4%	4.4%	4.6%
LNST của MWG*	**4,161**	**5,346**	**5,832**

***Với KB cơ sở và khả quan MWG đủ điều kiện thực hiện ESOP năm 2025 (LNST thực tế>4,850 tỷ VND)**

Định giá			
TGDĐ+ĐMX	35,937	49,809	55,491
BHX *(MWG sở hữu 94.99% và PP P/E chiết khấu từ 2027)*	44,536	44,536	44,536
Khác: tiền ròng và An khang	17,846	17,846	17,846
Erablue (*MWG sở hữu 45% và PP P/E chiết khấu từ 2027)*	3,528	3,528	3,528
Tổng giá trị DN	101,848	115,719	121,401
Gía mục tiêu (VND/CP)	**68,600**	**78,000**	**81,800**
Upside (%)	13%	28%	35%
Khuyến nghị	**MUA**		
Gía hiện tại (VND/CP)	**60,800**		

Phân tích độ nhạy của thuế quan tác động đến định giá của MWG theo các kịch bản lợi nhuận

LNST của MWG/ PE mục tiêu	**4,161**	**4850**	**5,346**	**5,832**
16	44,000	51,300	56,500	61,700
18	49,600	57,800	63,700	69,500
20	55,100	64,300	70,800	77,300
22	60,700	70,800	**78,000**	85,100
23	63,500	74,000	81,600	89,000

LNST của MWG/ PE mục tiêu	**4,161**	**4,850**	**5,346**	**5,832**
16	-28%	-16%	-7%	1%
18	-18%	-5%	5%	14%
20	-9%	6%	16%	27%
22	0%	16%	**28%**	40%
23	4%	22%	34%	46%

Nguồn: BSC Research

Hình 1: Gía cổ phiếu và Vnindex

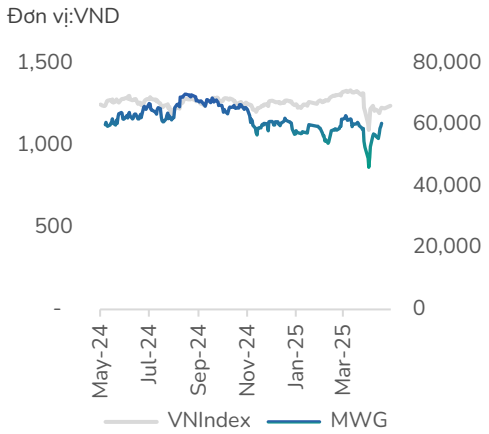

Nguồn: BSC Research, Công ty

Hình 2: Biến động PE của cổ phiếu MWG

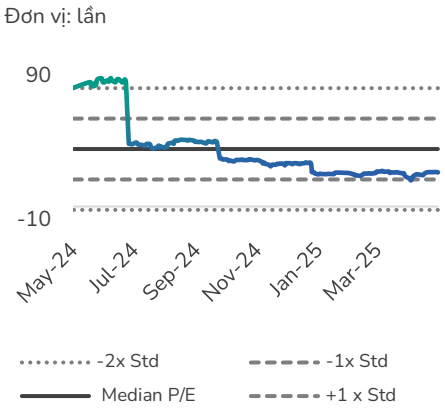

Nguồn: BSC Research, Công ty

PHỤ LỤC

KQKD (Tỷ đồng)	2022	2023	2024	2025
Doanh thu thuần	133,405	118,280	134,341	152,710
Giá vốn hàng bán	(102,623)	(95,759)	(106,842)	(121,783)
Lợi nhuận gộp	30,782	22,521	27,499	30,928
Chi phí bán hàng	(21,790)	(20,917)	(19,850)	(21,286)
Chi phí QLDN	(2,348)	(1,196)	(3,566)	(3,824)
Lãi/lỗ HĐKD	6,644	407	4,084	5,817
Doanh thu tài chính	1,313	2,167	2,377	2,502
Chi phí tài chính	(1,383)	(1,556)	(1,188)	(1,231)
Chi phí lãi vay	(1,362)	(1,448)	(1,137)	(1,186)
Lợi nhuận từ CTLD/LK	-	-	(45)	28
Lãi/lỗ khác	(518)	(328)	(401)	(193)
Lợi nhuận trước thuế	6,056	690	4,826	6,923
Thuế thu nhập DN	(1,955)	(522)	(1,092)	(1,577)
LN sau thuế	4,102	168	3,733	5,346
CĐTS	2	0	11	41
LNST - CĐTS	4,100	168	3,722	5,305
EBITDA	10,233	3,794	7,003	8,079
EPS	2,763	113	2,508	3,575

CĐKT (Tỷ đồng)	2022	2023	2024	2025
Tiền và tương đương tiền	5,061	5,366	5,697	7,592
Đầu tư ngắn hạn	10,059	18,937	28,524	31,024
Phải thu ngắn hạn	3,072	5,159	8,764	9,962
Tồn kho	25,696	21,824	22,245	23,139
TS ngắn hạn khác	743	661	544	618
TS ngắn hạn	**44,631**	**51,947**	**65,774**	**72,336**
TS hữu hình, ròng	9,728	6,500	3,587	2,874
Khấu hao lũy kế	(11,188)	(13,708)	(15,651)	(17,941)
ĐT dài hạn	241	747	242	242
TS dài hạn khác	671	452	202	202
TS dài hạn	**11,203**	**8,161**	**4,445**	**3,732**
Tổng TS	**55,834**	**60,108**	**70,219**	**76,068**
Nợ phải trả	8,746	7,927	9,138	10,415
Vay ngắn hạn	10,688	19,129	27,300	27,360
Nợ ngắn hạn khác	6,566	3,706	5,659	6,069
Tổng Nợ ngắn hạn	26,000	30,762	42,097	43,874
Vay dài hạn	5,901	5,985	-	-
Tổng Nợ dài hạn	5,901	5,985	-	-
Tổng Nợ	31,902	36,747	42,097	43,874
Vốn góp	14,639	14,634	14,622	14,838
Thặng dư vốn cổ phần	558	558	558	558
LN chưa phân phối	8,724	8,160	12,582	16,398
Cổ đông thiểu số	15	13	364	405
Tổng Vốn chủ sở hữu	23,933	23,360	28,122	32,194
Tổng nguồn vốn	55,834	60,107	70,219	76,068
Số lượng cổ phiếu lưu hành	1,464	1,464	1,464	1,484

LCTT (Tỷ đồng)	2022	2023	2024	2025
LNTT (lãi/lỗ)	6,056	690	4,826	6,923
Khấu hao và phân bổ	3,582	3,381	2,913	2,256
Thay đổi vốn lưu động	761	1,836	3,224	(479)
Điều chỉnh khác	(3,128)	(2,298)	(2,100)	(2,763)
LCTT từ HĐ KD	7,924	3,438	8,519	7,155
Tiền chi mua TSCĐ	(4,412)	(523)	(304)	(1,552)
Đầu tư khác	6,014	(10,308)	(10,640)	(2,500)
LCTT từ HĐ Đầu tư	1,602	(10,831)	(10,943)	(4,052)
Tiền chi trả cổ tức	(732)	(731)	(731)	(1,484)
Tiền từ vay ròng	(8,062)	8,440	1,726	60
Tiền thu khác	188	(9)	1,762	216
LCTT từ HĐ Tài chính	(8,606)	7,700	2,757	(1,208)
Dòng tiền đầu kỳ	4,142	5,061	5,366	5,697
Tiền trong kì	920	306	334	1,895
Dòng tiền cuối kỳ	5,062	5,368	5,699	7,592

Chỉ số (%)	2022	2023	2024	2025
Khả năng thanh toán				
Hsố TT ngắn hạn	1.72	1.69	1.56	1.65
Hsố TT nhanh	0.70	0.96	1.02	1.11
Cơ cấu vốn				
Hsố Nợ/TTS	0.30	0.42	0.39	0.36
Hsố Nợ/VCSH	0.69	1.08	0.97	0.85
Số ngày HTK	69.6	66.8	60.0	54.9
Số ngày phải thu	8.3	15.8	23.7	23.7
Số ngày phải trả	31.1	30.2	31.2	31.2
CCC	46.8	52.4	52.5	47.4
Lợi nhuận gộp	23.1%	19.0%	20.5%	20.3%
Lợi nhuận LNST	3.1%	0.1%	2.8%	3.5%
ROE	17.1%	0.7%	13.2%	16.5%
ROA	7.3%	0.3%	5.3%	7.0%
Định Giá				
PE	22.01	538.06	24.24	17.01
PB	3.72	3.81	3.16	2.80
Tăng trưởng DTT	8.5%	-11.3%	13.6%	13.7%
Tăng trưởng EBIT	12.7%	-94%	903%	42%
Tăng trưởng LNTT	-6.4%	-88.6%	599.7%	43.5%
Tăng trưởng EPS	-16.3%	-96%	2120%	43%

Nguồn: BSC Research

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về doanh nghiệp. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8&9 Tòa nhà Thái Holdings

210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84439352722

Fax: +84422200669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 4, Tầng 9 Tòa nhà President Place

Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Tel: +84838218885

Fax: +84838218510

https://www.bsc.com.vn

https://www.facebook.com/BIDVSecurities

Bloomberg: RESP BSCV <GO>

Hệ thống khuyến nghị

Các khuyến nghị Mua, Bán hoặc Nắm giữ chứng khoán được xác định dựa trên tổng mức sinh lời kỳ vọng, bằng tổng của chênh lệch giữa giá mục tiêu và giá đóng cửa ngày khuyến nghị của chứng khoán cộng với tỷ suất cổ tức kỳ vọng. Các định nghĩa về khuyến nghị cụ thể như sau:

Xếp hạng khuyến nghị	Định nghĩa
MUA MẠNH	Tổng mức sinh lời kỳ vọng trong 1 năm từ 30% trở lên
MUA	Tổng mức sinh lời kỳ vọng trong 1 năm từ 15% đến 30%
NẮM GIỮ	Tổng mức sinh lời kỳ vọng trong 1 năm từ -10% đến 15%
BÁN	Tổng mức sinh lời kỳ vọng trong 1 năm thấp hơn -10%

Thông tin liên hệ - Trung tâm phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long
Giám đốc Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa
P. Giám đốc Trung tâm PTNC
Vĩ mô - Thị trường
Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu
P. Giám đốc Trung tâm PTNC
Ngành – Doanh nghiệp
Buupq@bsc.com.vn

Nhóm Ngân hàng, Tài chính
Dương Quang Minh
Trưởng nhóm, Chuyên viên phân tích cao cấp
Minhdq@bsc.com.vn
Đoàn Minh Trí
Chuyên viên phân tích
Tridm@bsc.com.vn

Nhóm Bất động sản, VLXD
Phạm Quang Minh
Trưởng nhóm, Chuyên viên phân tích cao cấp
Minhpq@bsc.com.vn
Lâm Việt
Chuyên viên phân tích cao cấp
Vietl@bsc.com.vn
Vũ Công Hoàng Duy
Chuyên viên phân tích
Duyvch@bsc.com.vn

Nhóm Dầu khí, Điện, Phân bón – Hoá chất
Nguyễn Thị Cẩm Tú
Trưởng nhóm, Chuyên viên phân tích cao cấp
Tuntc@bsc.com.vn
Lưu Thuỳ Linh
Chuyên viên phân tích
Linhlt2@bsc.com.vn
Nguyễn Dân Trưởng
Chuyên viên phân tích
Truongnd@bsc.com.vn

Nhóm Bán lẻ, Xuất khẩu, Logistics
Phạm Thị Minh Châu
Trưởng nhóm, Chuyên viên phân tích cao cấp
Chauptm@bsc.com.vn
Trần Lâm Tùng
Chuyên viên phân tích
Tungtl@bsc.com.vn
Trần Nguyễn Tường Huy
Chuyên viên phân tích
Huytnt@bsc.com.vn